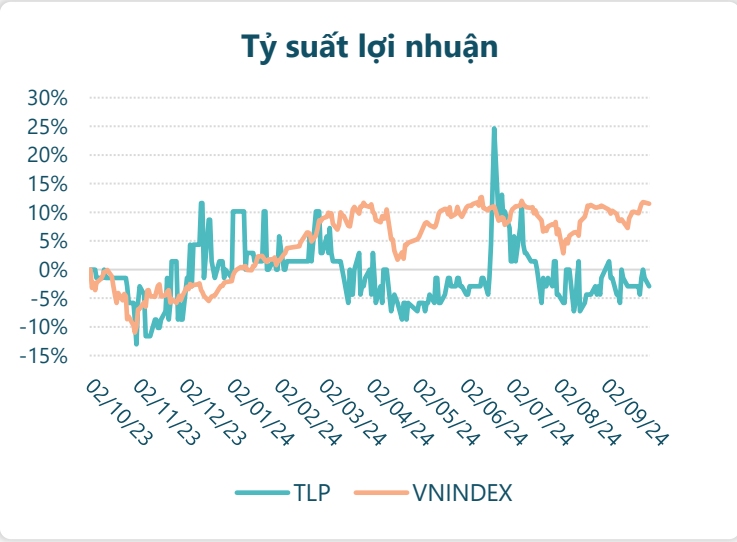


Ngày	6,700 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.6%	-1.3%	4.6%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,821 - 8,343
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,585
Số lượng CPLH (CP)	236,579,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,285
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.23
EPS	566
P/E	11.8



Doanh thu thuần
Q3/24

4,442

tỷ VNĐ

QoQ: ▼738 | -14.3%

YoY: ▲22.0 | 0.5%

Nợ/VCSH
Q3/24

232%

YoY: +/-▼7.6%

LN gộp
Q3/24

161

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.00 | -3.7%

YoY: ▼90.0 | -35.9%

ROE (TTM)
Q3/24

4.9%

YoY: +/-▼1.6%

LN trước thuế
Q3/24

31.1

tỷ VNĐ

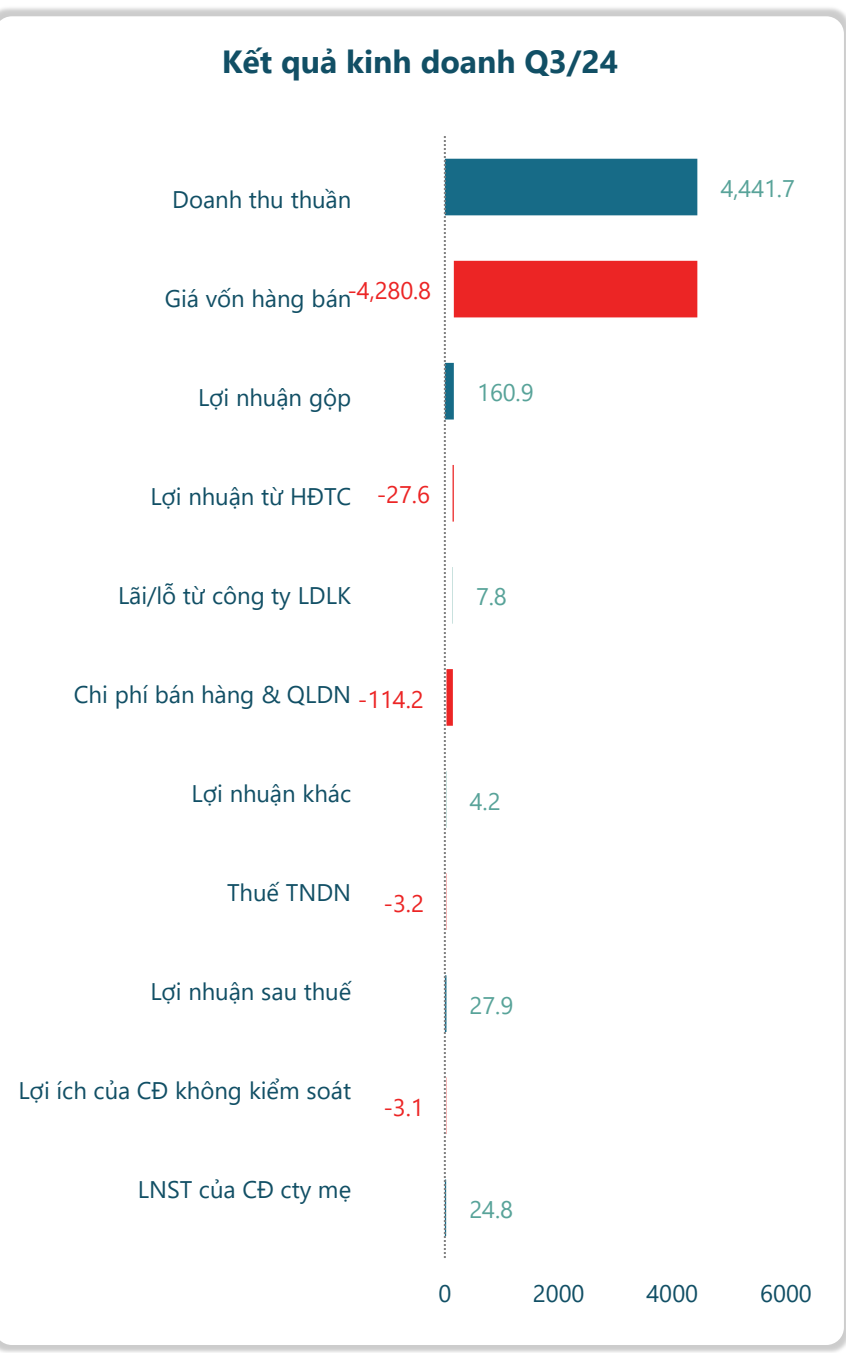
QoQ: ▲11.2 | 56.2%

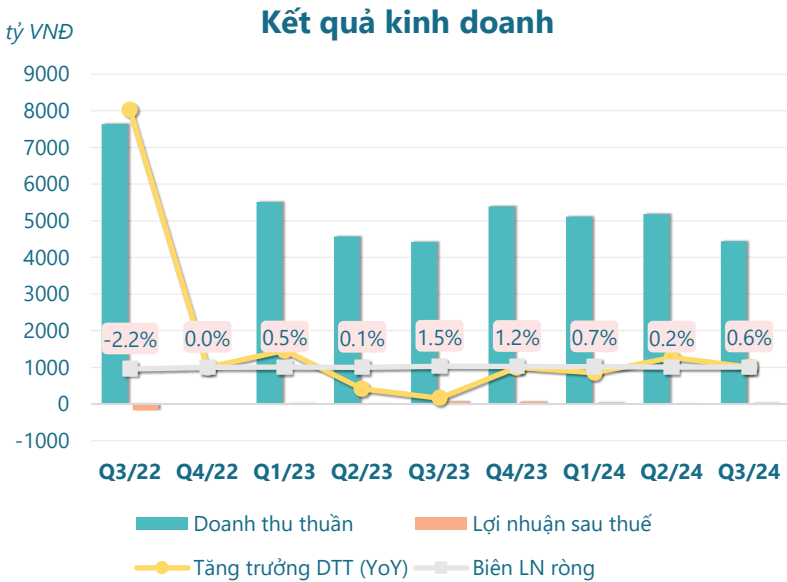
YoY: ▼45.9 | -59.6%

ROA (TTM)
Q3/24

1.5%

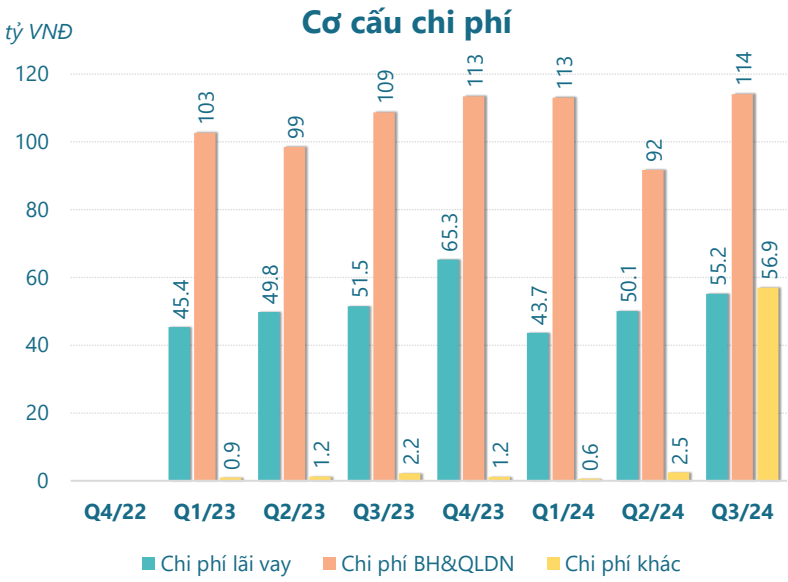
YoY: +/-▼0.5%





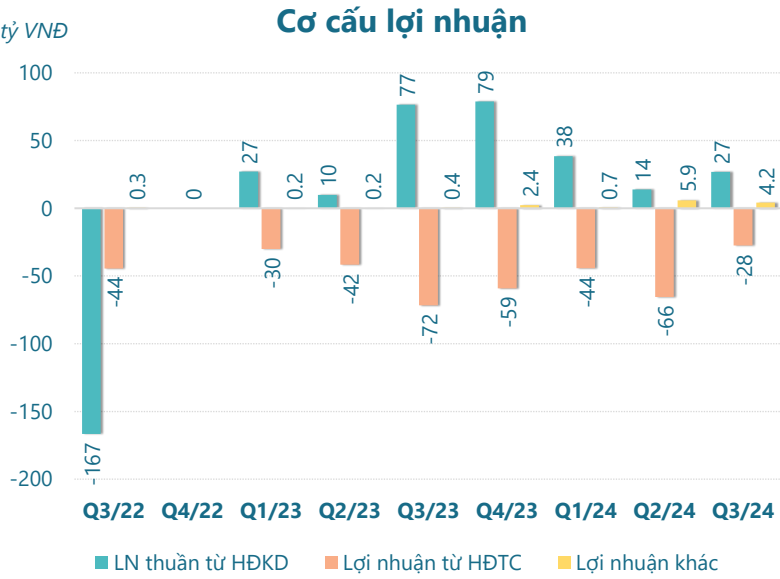
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 26.92 tỷ đồng**, tăng thêm 92.6% so với kỳ trước và thấp hơn 64.8% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 27.57 tỷ đồng** tăng thêm 38.01 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 44.15 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 4.16 tỷ đồng**, giảm đi 29.6% so với kỳ trước và cao hơn 824% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **TLP** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **4,442 tỷ đồng** tăng thêm **0.48%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 27.89 tỷ đồng**, giảm sút **60.1%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **14,730 tỷ đồng** cao hơn 1.59% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 81.00 tỷ đồng** thấp hơn 21.4% so với cùng kỳ năm trước.



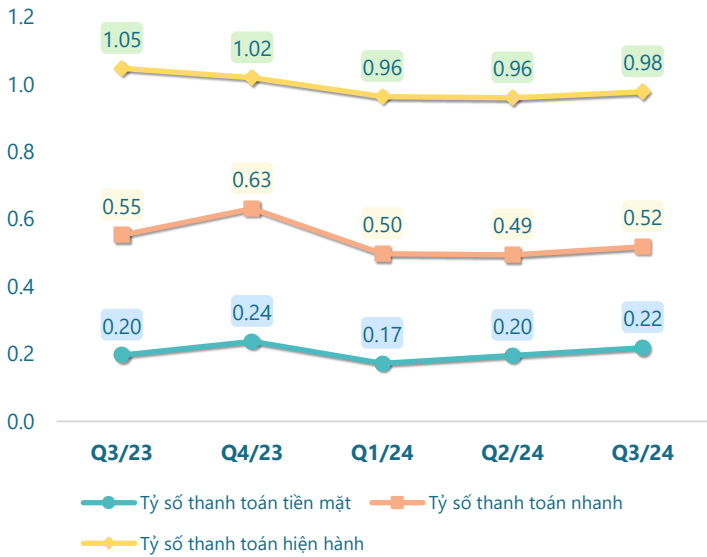
Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **55.19 tỷ đồng** tăng thêm 10.2% so với kỳ trước và cao hơn 7.17% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **114.2 tỷ đồng** tăng thêm 24.4% so với kỳ trước và cao hơn 4.98% so với cùng kỳ năm trước.

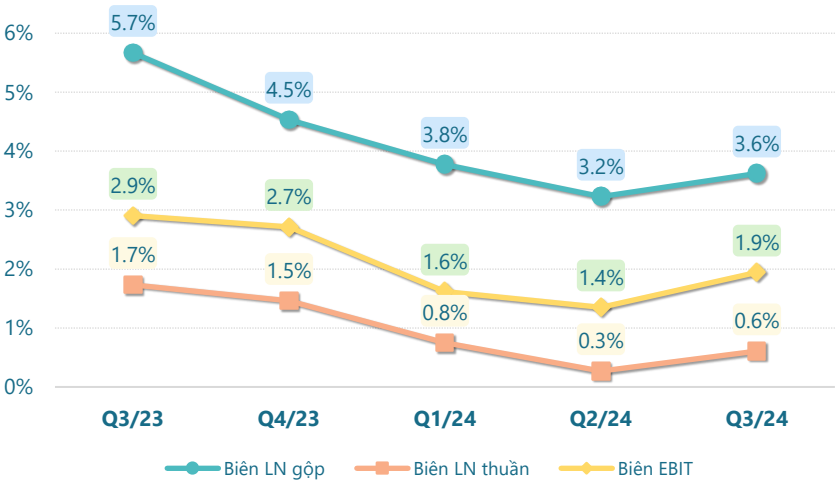
Chi phí khác bằng **56.94 tỷ đồng** tăng thêm 2205% so với kỳ trước và cao hơn 2488% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	4,442	5,180	-14.3%	4,420	0.5%	14,730	14,500	1.6%
Giá vốn hàng bán	4,281	5,013	-14.6%	4,170	2.7%	14,209	13,948	1.9%
Lợi nhuận gộp	161	167	-3.7%	251	-35.9%	521	553	-5.8%
Doanh thu HĐTC	32.4	5.13	532%	4.62	602%	49.1	56.1	-12.4%
Chi phí TC	60.0	70.7	-15.1%	76.3	-21.4%	186	200	-6.6%
Chi phí lãi vay	55.2	50.1	10.2%	51.5	7.2%	149	147	1.5%
LN trong công ty LKLD	7.76	4.04	92.1%	6.43	20.7%	14.8	14.0	5.6%
Chi phí bán hàng	88.1	78.4	12.4%	86.0	2.5%	244	240	1.7%
Chi phí QLDN	26.0	13.3	95.6%	22.7	14.6%	75.1	70.2	7.0%
LN thuần từ HĐKD	26.9	14.0	92.3%	76.5	-64.8%	79.3	113	-30.1%
Lợi nhuận khác	4.16	5.91	-29.7%	0.45	824%	10.7	0.84	1179%
LN trước thuế	31.1	19.9	56.2%	77.0	-59.6%	90.0	114	-21.2%
Lợi nhuận sau thuế	27.9	16.0	74.3%	69.8	-60.0%	80.7	103	-21.3%
LNST của CĐ cty mẹ	24.8	12.9	91.9%	66.3	-62.7%	71.0	96.3	-26.2%

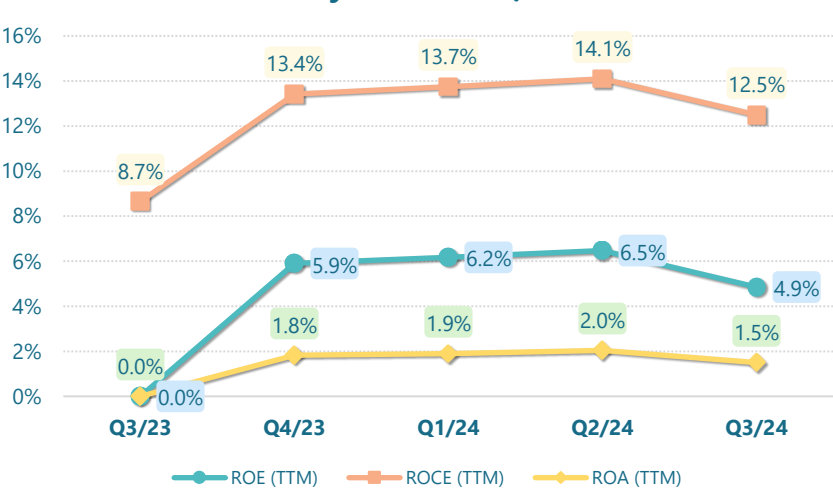
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

